TIẾNG VIỆT

**BÀI 73: ươn ương**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ươn, ương; đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có vần

ươn, ương. Hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng vần ươn, ương; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ươn, ương. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần ươn, ương có trong bài học.

**\* Góp phần hình thành và phát triển Năng lực, phẩm chất**

+ Năng lực: Phát triển kĩ năng nói về sinh hoạt hàng ngày. Phát triển khả năng suy đoán theo tranh.

+ Phẩm chất: Nhân ái, trách nhiệm (Cảm nhận được vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống, từ đó thêm yêu thích thiên nhiên và cuộc sống)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng phụ, chữ mẫu **ươn ương**

- HS: Bộ thực hành Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu**

- HS đọc bài 72, GV nhận xét, giới thiệu bài mới

**2. Nhận biết**:

- HS quan sát tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:

+ Em thấy tranh vẽ gì? Cảnh học sinh đi học.

- GV nhận xét và nêu nội dung của bức tranh

- HS đọc theo giáo viên câu cuối bức tranh

+ Đường tới trường lượn theo sườn đồi.

- GV nhận xét giới thiệu bài 73

**3. Đọc**

*a. Đọc vần: ươn, ương*.

- So sánh các vần:

+ GV giới thiệu vần: ươn, ương.

- Nêu cấu tạo vần ươn, ương.

+ HS so sánh điểm giống và khác nhau của vần: ươn, ương.

- Giống nhau bắt đầu bằng ươ; khác nhau ở n, ng

- Đánh vần:

+ HS ghép các vầnươn, ương và bảng cài*.*

+ HS nghe GV đánh vần mẫu : ư- ơ- n- ươn, ư- ơ- ng- ng

+ HS nối tiếp nhau đánh vần CN, N2, L

- Đọc trơn các vần: CN, N2, L

+ HS nối tiếp nhau đọc trơn vần

***b. Đọc tiếng***

- Đọc tiếng mẫu:

+ Tìm ghép tiếng “lượn” vào bảng cài.

+ HS đánh vần: lờ - ươn – lươn – nặng – lượn. CN, N2, L

+ HS đánh vần, đọc trơn: CN, N2, L

- Đọc tiếng trong SHS

+ HS đọc thầm: lươn, rướn,sườn, hướng, phượng…

+ HS đánh vần, đọc trơn tiếng:

- Ghép chữ cái tạo tiếng:

+ HS ghép các tiếng chứa vần ươn, ương.

+ HS đọc các tiếng vừa ghép. CN, N2, L

**c. Đọc từ ngữ**

- GV ghi bảng các từ mới: khu vườn, hạt sương, con đường.

- HS đọc thầm các từ mới.

- HS đọc tốt đọc trơn các từ. CN, N2, L

- HS lên bảng gạch chân tiếng có vần: ươn, ương vừa học.

- HS phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng mới.

- HS theo dõi giáo viên giải nghĩa từ mới.

- HS luyện đọc từ CN, ĐT.

**d. Đọc lại các tiếng từ ngữ**

- HS đọc sgk N, L

- HS nhận xét, GV nhận xét

4. Viết bảng con

- HS quan sát GV đưa mẫu chữ ghi vần: ươn, ương, vườn, đường.

- Nêu quy trình viết?

- HS theo dõi giáo viên viết và hướng dẫn mẫu: ươn, ương,

- HS luyện viết bảng con.

- HS, GV nhận xét.

**Tiết 2**

**5. Viết vở**

- Nêu nội dung bài viết ?

+ Viết: khu vườn, con đường

- Nêu tư thế viết?

- HS viết bài 73 trong vở Tập viết dưới sự hướng dẫn của GV.

- HS đổi vở kiểm tra, GV nhận xét tuyên dương HS

**6. Đọc câu.**

- HS quan sát tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:

+ Em thấy tranh vẽ gì?

- GV đọc mẫu cả đoạn.

- HS đọc thầm tìm tiếng có các vầnươn, ương*.*

-HS đọc trơn các tiếng mới: sương, vươn,

- 6 HS đọc nối tiếp câu

- HS đọc đồng thanh cả đoạn

- HS trả lời các câu hỏi:

+ Khi ngày mới bắt đầu, bầu trời như thế nào?

- Khi ngày mới bắt đầu, bầu trời phía đằng đông ửng hồng.

+ Làng quê như thế nào?

- Làng quê rộn ràng…

+ Em thường làm gì khi ngày mới bắt đầu?

- Em thường dậy tập thể dục …khi ngày mới bắt đầu

**7. Nói theo tranh: Buổi sáng của em**

- HS quan sát tranh và thảo luận trả lời câu hỏi dưới sự hướng dẫn của GV

+ Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì?

+ Bạn nhỏ trong tranh đang đánh răng

+ Em thường làm gì sau khi thức dậy buổi sáng?

- Khi thức dậy em tập thể dục, đọc bài

- GV nhận xét, liên hệ tập thể dục ở trường

**8. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm.**

- Tìm tiếng chứa vần ươn, ương và đặt câu với các từ ngữ tìm được?

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- Nhắc nhở học sinh học bài và chuẩn bị bài 74

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………